

CHẾT

Theo Phật học thì chết là một trong tám cái khổ (1) của cõi nhân sinh. Chết cũng là mối sợ hãi của con người. Đã là sinh vật thì trước cái chết đều sinh lòng sợ hãi. Đàn gà con chỉ mới nở được vài ngày mà đã biết sợ chết. Khi có loài chim ăn thịt sống như Quạ, Cáo, Diều Hâu xuất hiện, nghe gà mẹ báo động, là chúng vội vàng chạy ngay vào núp dưới cánh mẹ. Lại như con sâu, cái kiến, chẳng may rơi xuống nước, cũng ra sức vùng vẫy, quẫy, đập, rõ ràng biểu lộ một sự sợ hãi trước cái chết. Nhưng với con người, loài sinh vật có tư tưởng, thì mối sợ hãi trước cái chết lại có một tầm kích khác hẳn. Nó triền miên và sâu đậm vô cùng. Con người luôn luôn tham sống, sợ chết. Sự sợ hãi trước cái chết không phải chỉ ám ảnh những người bệnh hoạn, già yếu, gần đất xa trời, mà nó ám ảnh hầu hết, dĩ nhiên nổi ám ảnh đó có mức độ khác nhau tùy theo đối tượng. Một người biết mình gần kề cái chết thì mối sợ hãi kia lên đến cực điểm. Tôi đã từng thấy những người khi biết mình mắc bệnh nan

y, như ung thư chẳng hạn, thì sự sợ hãi trước cái chết làm cho tinh thần và thể xác họ sa sút hết sức mau chóng. Thân sắc họ thay đổi từng ngày. Ngoại hình họ suy thoái thật là rõ rệt. Chính sự sợ hãi đã làm gia tốc cái chết.

Khi còn trẻ trung, mạnh khỏe, mỗi sợ hãi về cái chết tuy không rõ nét, nhưng cũng bàng bạc trong mọi sinh hoạt của con người. Làm gì con người cũng tính đến biện pháp an toàn. Khi chợt đau yếu, bệnh hoạn, con người đôn đáo lo tìm thầy hay, thuốc tốt, ngoài ra lại còn tìm đến các nơi thờ phụng để cầu xin các đấng siêu hình phù hộ cho bách bệnh tiêu tán, vạn bệnh tiêu trừ. Khi làm tiền nhiều bạc, hay khi nắm giữ một chức vụ quan trọng, con người tìm thuê thám tử hay cất cử, bố trí vệ sĩ để giữ gìn an ninh cá nhân. Tại Việt Nam trong lúc đất nước còn chiến tranh Quốc Cộng, tôi đã gặp rất nhiều quân nhân nhà nghề, sĩ quan có, hạ sĩ quan có, binh sĩ cũng có, đeo trong mình chiếc nanh heo rừng, hay những lá bùa mà ông thầy nào đó đã ban tặng cho họ, vì họ tin rằng những vật ấy che chở họ, tránh cho họ hòn đạn, mũi tên nơi chiến địa. Tôi cũng đã thấy nhiều vị khi có những chuyến đi lắm rủi ro, thường hay nhờ thầy bói bùa, coi quẻ chọn cho được ngày tốt, giờ lành, để xuất hành cho có an toàn. Và ở đâu cũng vậy, thời nào cũng thế, mỗi khi đất nước lâm nguy

vì nạn ngoại xâm, mặc dù thanh niên ý thức rõ ràng nghĩa vụ cứu nước thiêng liêng của họ, họ phải cầm súng chống giặc, bảo vệ tổ quốc, nhưng cũng không ít người tìm mọi cách trốn tránh quân địch. Nếu không trốn tránh được và đã nhập ngũ rồi thì thường họ lại cầu mong được công tác tại hậu phương, thay vì phải xông pha tiền tuyến.

Lại nữa, mỗi lần đi coi tướng số mà được thầy tướng số đoán rằng số có thọ tinh, hay hình hài, cốt cách có thọ tướng thì trong lòng lại thấy vui sướng, hân hoan, trái lại nếu được đoán rằng có số yếu tử thì đâm chán nản, buồn rầu, lo sợ.

Trong cổ thời bên Trung Quốc đã có những vị vua chúa và đạo sĩ bỏ công, bỏ của luyện thuốc trường sinh.

Tất cả mọi việc làm trên đây đều là phản ứng của sợ hãi trước cái chết, một sự sợ hãi ngấm ngấm thường trực, đeo sát, dính cứng mọi con người chúng ta.

Tại sao con người lại sợ chết, mặc dù chẳng ai biết cái chết thật sự như thế nào. Con người chỉ sợ hãi cái gì đã biết rồi (the known) chứ có bao giờ lại sợ hãi một cái gì mà chưa hề biết nó ra sao đâu (the unknown). Thế mà ta lại sợ chết, một vấn đề mà ta không hề có một chút xíu kinh nghiệm. Chưa có ai đã từng chết một thời gian dài, đã đích thân nhận diện được cái chết rồi sống lại, nói cho mọi người

biết, để ít ra trên phương diện ngôn từ ta cũng có một vài ý niệm về nó, nhiên hậu ta mới thấy được cái chết có đáng sợ không, và đáng sợ tới mức nào.

Ở Hoa Kỳ có một bác sĩ thường đến nhà xác các bệnh viện, lấy xác những người được các y sĩ điều trị cho là đã chết, rồi dùng máy defibrillator để kích thích tim mạch làm cho xác chết sống lại. Ông đã thành công trong nhiều trường hợp. Những người sống lại đều được ông phỏng vấn để tìm hiểu cái mà ông gọi là "near death experiences" viết tắt là NDE mà tôi tạm dịch là cận-tử-nghiệm. Những người được phỏng vấn kể lại cho ông ta nghe những gì mà đương sự đã trải qua. Nhưng tiếc rằng những điều mà ông tổng kết được sau khi phỏng vấn nhiều đối tượng khác nhau, không phải là những kinh nghiệm của con người về cái chết vì các đương sự chỉ mới chết nửa vời, chứ chưa thật sự đi vào cõi chết. Nếu quả các đương sự đã dứt khoát đi vào cõi chết thì vị bác sĩ kia cũng chẳng có cách nào mà phục sinh được những thầy ma ấy. Cận tử nghiệm (near death experiences) không thể nào lại là tử nghiệm (death experiences) được. Còn các nhà khoa học thì đến nay vẫn còn khoanh tay trước cái chết. Họ hoàn toàn không biết gì về cái chết. Chết vẫn là vùng đất cấm đối với khoa học.

Phải chăng con người sợ chết vì biết rằng cái chết không thể tránh được, trước sau, sớm muộn

cũng phải chết, trong lúc con người lại không hay biết gì về cái chết nên đâm ra hoang mang, sợ hãi chẳng?

Hay con người cho rằng chết là hết, là chấm dứt cái "tôi" trong khi lại mong muốn cái "tôi" được trường tồn nên đâm ra sợ hãi chẳng?

Hay là do cả hai lý do này?

Thông thường, người ta quan niệm rằng con người gồm có hai phần: vật chất và tinh thần còn gọi là danh và sắc, tâm và vật, xác và hồn. Chết thì phần xác tan rã, cát bụi trở về cát bụi. Nhưng còn phần hồn thì sao? sẽ đi về đâu? Trước câu hỏi này, tư tưởng liền phóng ra những hình ảnh về cõi âm có địa ngục, có quỷ sứ đầu trâu, mặt ngựa chuyên hành hình những linh hồn tội lỗi bằng những hình phạt vô cùng dã man, như cắt lưỡi, cưa đầu, chặt chân tay, bỏ vào cối giã hay ném vào đầu sôi, lửa bỏng làm cho cái chết lại thêm phần sợ hãi.

Trước mối sợ hãi triền miên và phổ biến này đã có nhiều triết học và tôn giáo đưa ra triết thuyết này, giáo lý nọ nhằm xoa tan, hay ít ra cũng giảm thiểu đi mối lo sợ thường trực đè nặng lên tâm tư con người từ khi con người xuất hiện trên hành tinh này và sẽ vẫn tồn tại khi con người còn tồn tại.

Trang Tử chẳng hạn, trong thiên "TỀ VẬT LUẬN" của "NAM HOA KINH" khi bàn về sự bình đẳng giữa sống và chết có nói:

"Trong trời đất chỉ có một cái sống. Cái sống ấy như lửa, xác thân ta như cây củi. Lửa truyền từ cây củi này sang cây củi khác, truyền mãi không tắt, cũng như cái sống truyền từ xác thân này sang xác thân khác vô tận, vô cùng.

Sống và chết chẳng qua là một biến hóa, một tiểu biến hóa trong cái đại biến hóa của trời đất. Chết là chuyển từ một cảnh này sang một cảnh khác. Nếu trong sự chuyển đổi này mà ta sinh lòng sợ hãi thì chẳng khác gì nàng Lệ Cơ khi lên kiệu hoa về làm hoàng hậu nước Tấn thì khóc lóc thảm thiết, nhưng khi đến nơi, vui với cảnh cung vàng, điện ngọc, đắm say duyên mới nồng nàn thì lại hối hận giọt lệ ngày xưa và không muốn trở về quê cũ.

Sống chết đã nằm trong lẽ biến hóa vô cùng của trời đất thì việc sống chết của ta chẳng khác gì một lữ khách trên đường vân du ngoạn cảnh, càng đi càng gặp cảnh mới, và cảnh mới nào cũng đẹp, cũng xinh, chớ nên để cảnh nào trói buộc mình, giữ chân mình, vì trên đường đi tới còn bao nhiêu cảnh đẹp hơn nhiều đang chờ đợi ta.

Ta chẳng nên ham sống sợ chết làm gì. Chết chưa hẳn là đáng sợ. Khi đang sống thì ta sợ chết. Nhưng khi chết rồi biết đâu ta lại chẳng sợ sống. Nếu ở cõi chết có thần linh nào đòi đưa ta về cõi sống, biết đâu ta lại chẳng sợ hãi và tìm mọi cách trốn tránh, như khi ở cõi sống ta sợ hãi và trốn

tránh cõi chết vậy. Ai biết thân nhiên mà đến, thân nhiên mà đi thì còn làm gì có vấn đề sống chết nữa".

Còn các tôn giáo thì lại nói về một cuộc sống ở một cõi khác, một cuộc sống vĩnh cửu và hạnh phúc tuyệt đối dành cho linh hồn những người có thiện tâm và có đức tin vào đấng Tối Cao.

Phật Giáo thì đưa ra thuyết luân hồi. Thuyết này chủ trương rằng con người chết đi, lại đầu thai để sống một cuộc sống kế tiếp khác và cứ thế trôi lăn cho đến bao giờ nghiệp tận, duyên cùng mới thoát khỏi sinh tử, tử sinh. Ngoài ra, Phật Giáo cũng có nói đến cảnh giới Niết Bàn, đến Tây Phương Cực Lạc dành cho những linh hồn trong trắng, thánh thiện.

Triết học và tôn giáo đã làm giảm thiểu nỗi sợ hãi của con người trước cái chết. Nhờ triết học và tôn giáo con người mới thấy rằng chết không phải đáng sợ như người ta nghĩ. Chết cũng không phải là hết, là chấm dứt cái "tôi". Người theo Thiên Chúa Giáo, Cơ Đốc Giáo chẳng hạn, cứ dốc lòng hành ĐẠO, dốc lòng tin tưởng vào đấng Tối Cao thì sau khi chết sẽ lại có ngay một cuộc sống khác huy hoàng, hạnh phúc trong cảnh trời vĩnh cửu. Còn Phật tử mà cứ tinh tấn hành trì Phật pháp thì sau khi chết sẽ đầu thai và sống một cuộc sống tốt

đẹp hơn, hạnh phúc hơn nhờ tích phước trong khi hành ĐẠO tại kiếp này.

Con người chỉ cần nói cho biết rằng chết không phải là điểm tận cùng mà là khởi điểm của một cuộc sống khác, nghĩa là có sự liên tục của cái "tôi" là sự sợ hãi trước cái chết chắc chắn sẽ giảm đi nhiều. Con người đến với tôn giáo này, tôn giáo nọ, chỉ cốt tìm một lời giải đáp siêu hình cho câu hỏi: "chết sẽ đi về đâu?", và cầu xin một sự cứu rỗi, cứu độ, để khi mãn kiếp, tròn đời sẽ được đón về một cõi huy hoàng, hạnh phúc nào đó.

Sợ hãi trước cái chết giảm thì có giảm, nhưng chưa dứt. Nó vẫn còn đó, vẫn day dứt, vẫn hành hạ. Tại sao vậy? Có cách nào dứt được mối sợ hãi thường trực và cố hữu này không?

Thông thường ta không bao giờ lại sợ hãi một cái gì mà ta không hề có một chút kinh nghiệm hay một hình ảnh nào về cái đó cả.

Như trên đã nói, chúng ta chẳng ai có được kinh nghiệm về cái chết mà chúng ta vẫn sợ chết. Sở dĩ vậy, chính chỉ vì ta có lưu giữ trong ký ức một số hình ảnh về cái chết.

Đúng vậy, ta đã trông thấy những xác người chết vì tai nạn xe cộ nằm cong queo bên vệ đường, máu me nhoe nhoét. Ta đã trông thấy nhiều xác chết cứng lạnh, trẻ có, già có, thân hình teo tóp, da dẻ xám ngoét nằm ngay đơ trước thân nhân, họ

hàng đang khóc lóc thảm thiết. Ta cũng đã từng chứng kiến những người chết vì bom đạn, chết chẳng toàn thân, mỗi nơi mỗi mảnh. Ta cũng đã thấy những xác người được đưa vào lò thiêu hay đem đi chôn sâu trong lòng đất. Ta cũng đã thấy những xác chết không được chôn cất kịp thời, dòi bọ lúc nhúc và hôi thối bốc mùi. Ta lại cũng đã thấy những thân ma sinh chương trôi dạt trên biển, trên sông.

Ta sợ chết mỗi khi ta nghĩ rằng những hình ảnh khủng khiếp mà ta có trong ký ức sẽ đến với ta. Ta hiện đang sống ở đây và vào giờ này, nhưng những hình ảnh ấy đang chờ đợi ta ở một không gian nào đó và nhất định rồi đây ta sẽ phải gặp chúng ở một thời điểm nào đó trong tương lai xa hay gần. Chính chỉ vì thế mà sinh lòng sợ hãi đầy thôi. Chừng nào mà ta còn lưu chấp những hình ảnh về cái chết, chừng nào mà ta còn quan niệm rằng sống nay mà chết ở mai sau, thì sợ hãi vẫn còn. Nói khác đi chừng nào ta còn kẹt vào vòng lệ thuộc của không gian tâm lý và thời gian tâm lý, tức của tư tưởng thì sợ hãi nói chung, trong đó có sợ hãi về cái chết, vẫn còn đè nặng lên tâm tư ta.

Trên thực tế, chết là một mặt của sự sống. Sống và chết như hai mặt của một đồng tiền. Có cái này là lập tức có cái kia. Sống và chết chẳng bao giờ rời nhau. Khi ta vừa mới sinh ra là cái chết đã có

mặt trong ta. Nếu không có cái chết nằm sẵn thì cái sống không có điều kiện phát triển. Đúng vậy, khi thân xác ta đang sống thì các tế bào, những thành phần cấu tạo nên thân xác, cứ lần lượt chết đi. Nếu các tế bào không chết đi thì đứa trẻ nằm nôi vẫn cứ mãi mãi nằm nôi. Nó chẳng bao giờ có thể trở thành một thanh niên, trai tráng được. Cũng trong lúc thân xác ta đang sống thì các hồng huyết cầu trong cơ thể cứ theo nhau tự hoại diệt. Đời sống một hồng huyết cầu vào khoảng 120 ngày. Nếu hồng huyết cầu không chết đi như thế thì cái sống của thân xác cũng khó mà tồn tại. Rõ ràng cái chết chẳng phải ở tương lai đâu. Nó ở ngay hiện tiền cùng với cái sống. Nó cũng tự nhiên như cái sống vậy. Sống chết quyện vào nhau, bổ túc cho nhau, chứ không phải sống và chết là hai hiện tượng cách ly về phương diện không gian và thời gian. Cái mà ta gọi là sống, thực ra chưa bao giờ rời cái chết. Cái mà ta gọi là chết chính lại là điều kiện cho cái sống phát triển.

Nếu cần một hình ảnh rõ nét về sự gắn bó chặt chẽ như hình với bóng của hai hiện tượng: sống và chết trong con người, thì không gì bằng ta hãy nhìn vào một cây đèn cầy đang cháy. Ngọn lửa đèn cầy cháy sáng tượng trưng cho sự sống và thân đèn cầy chảy ra, mòn đi tượng trưng cho sự chết. Nếu thân đèn cầy không chảy ra và mòn đi từng phút, từng

giấy thì lửa đèn cày đầu có thể tồn tại mà cháy sáng được, nghĩa là không có cái chết thì cũng chẳng có cái sống. Cái sống phải nương tựa vào cái chết để hiện hữu. Khi thân đèn cày không còn gì để chảy ra và mòn đi nữa thì lửa đèn cày cũng hết cháy sáng, nghĩa là khi đã không còn cái chết thì cũng không còn cái sống. Có thì có cả hai, mà không thì cũng không cả hai.

Thiền sư Bankei (1622-1693) (2), một trong ba vị Thiền Sư vĩ đại nhất của Nhật Bản có nói:

"Vấn đề sống chết vẫn xảy ra hàng ngày với chúng ta, không phải đợi đến lúc ta chạm mặt với cái chết thực sự mới gọi là chết". (3)

Trước nữa, Trang Tử (370-293 trước Tây Lịch) trong thiên "TRI BẮC DU" phát biểu về sống chết cũng khẳng định:

"Sinh giả tử vi đồ"

"Tử giả sinh vi thị"

và

"Nhược sinh tử vi đồ"

"Ngô hựu hà hoạn"

Nghĩa là con người mới sinh ra, cái chết đã theo liền. Chết đi chính là khởi đầu một cuộc sống mới. Nếu sống, chết đã không hề rời nhau thì ta còn lo âu trước cái chết làm gì.

Trên đây chúng ta thấy rằng những kiến thức tâm linh từ các giáo thuyết, những kiến thức thuần

lý từ các triết thuyết và những kiến thức thực nghiệm từ khoa học có đóng một vai trò quan trọng trong việc giảm nhẹ nỗi sợ hãi của con người trước cái chết, nhưng chỉ giảm nhẹ thôi, chứ không thể chấm dứt hoàn toàn được. Vì kiến thức các loại, có sâu sắc đến mấy đi nữa, có chính xác đến bao nhiêu đi nữa, thì cũng chỉ làm giàu cho tư tưởng mà thôi. Còn tư tưởng thì sợ hãi vẫn còn. Những khi ta **đánh mất quyền làm chủ tư tưởng** (sự kiện này lại quá ư phổ thông) để cho tư tưởng dẫn dắt, lôi kéo, khiến ta **không còn chánh tư duy** được nữa, thì sợ hãi lại lộ nguyên hình, mặc dù ta có được trang bị những loại kiến thức nào đi nữa. **Tư tưởng là mẹ đẻ của sự hãi, nên chẳng thể lấy tư tưởng để loại trừ sợ hãi được.** Chỉ khi nào có được một **tâm thái hoàn toàn tự do**, không còn bị kiến thức và kinh nghiệm chi phối thì sợ hãi mới dứt khoát tan biến. Cứ chú tâm trọn vẹn vào hiện tiền, tức phi thời gian tâm lý, thì tư tưởng hồn nhiên ngưng dứt, toàn bộ kho kiến thức và kinh nghiệm to lớn sẽ bị tức thì vô hiệu hóa, và bấy giờ con người mới được giải thoát khỏi sợ hãi nói chung và sự sợ hãi âm ỷ nhưng sâu đậm về cái chết nói riêng. Đúng thế, chết là vấn đề của tương lai xa gần nào đó. Nếu “phi” được thời gian tâm lý thì làm gì còn có vấn đề “chết” nữa để cho sợ hãi dầy vò.



Cước Chú:

- (1) Tám cái khổ là: sinh, già, bệnh, chết, yêu thương xa lìa, thù ghét gặp gỡ, cầu không được ước không nên, ngũ ấm xí thạnh.
- (2) Theo Đại sư DT Suzuki thì Bankei cùng với Dogen Kigen (Đạo Nguyên) và Hakuin Ekaku (Bạch Ẩn) là 3 vị Thiền Sư vĩ đại nhất của Nhật Bản.
- (3) Trích từ cuốn "Tâm Bất Sanh" của Thiền Sư Bankei do Thích Nữ Trí Hải dịch, trang 130.

